

Chuyên đề 12

QUẢN LÝ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

I. KHÁI QUÁT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

1. Khái niệm chuyển đổi số và chuyển đổi số quốc gia

a) Khái niệm chuyển đổi số

Sự phát triển vượt bậc của công nghệ số vào phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay đưa nhân loại bước vào kỷ nguyên chuyển đổi số.

Có nhiều định nghĩa, cách hiểu khác nhau về chuyển đổi số (digital transformation). Theo Gartner, chuyển đổi số là việc sử dụng các công nghệ số để thay đổi mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới. Microsoft cho rằng, chuyển đổi số là việc tư duy lại cách thức các tổ chức tập hợp mọi người, dữ liệu và quy trình để tạo những giá trị mới²⁹¹. Còn theo quan điểm của FPT, chuyển đổi số là quá trình thay đổi từ mô hình truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới, như: dữ liệu lớn (Big Data), internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... làm thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa tổ chức²⁹². Các công nghệ số giúp ohuyển hóa thông tin từ thế giới thực thành thế giới ảo vật lý với dung lượng thông tin rất lớn, tốc độ cao và đa dạng tới mọi mặt của đời sống xã hội.

Theo Cẩm nang chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông, Chuyển đổi số là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi tổng thể và toàn diện cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất của cá nhân, tổ chức. Đối với mỗi cá nhân, chuyển đổi số làm thay đổi cách chúng ta sống, làm việc và giao dịch với nhau. Còn đối với nhà nước, chuyển đổi số dùng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi trải nghiệm người dùng với các dịch vụ do nhà nước cung cấp, thay đổi quy trình nghiệp vụ, thay đổi mô hình và phương thức hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước²⁹³.

²⁹¹ <https://www.gartner.com/smarterwithgartner/when-less-becomes-more-the-journey-to-digital-government>

²⁹² Lê Trọng Vĩnh. *Xu thế chuyển đổi số toàn cầu*, 2021, <https://kinhtedothi.vn>.

²⁹³ Bộ Thông tin và Truyền thông. *Cẩm nang chuyển đổi số*, 2020. <https://mic.gov.vn>.

Chuyển đổi số có thể bị nhầm lẫn với khái niệm “số hóa”. Số hóa (Digitization) là quá trình hiện đại hóa, chuyển đổi các hệ thống thường sang hệ thống kỹ thuật số (chẳng hạn như chuyển từ tài liệu dạng giấy sang các file mềm trên máy tính, số hóa truyền hình chuyển từ phát sóng tương tự (analog) sang phát sóng kỹ thuật số...). Trong khi đó, chuyển đổi số là khai thác các dữ liệu có được từ quá trình số hóa, rồi áp dụng các công nghệ để phân tích, biến đổi các dữ liệu đó và tạo ra các giá trị mới hơn. Có thể xem số hóa như một phần của quá trình chuyển đổi số.

Quá trình chuyển đổi số gồm các giai đoạn:

- Số hóa: Chuyển thông tin thực sang dạng số để dễ dàng lưu trữ, tìm kiếm, chia sẻ. Ứng dụng kỹ thuật số vào các quy trình nghiệp vụ. Sử dụng phần mềm để làm cho các hoạt động trở nên đơn giản và hiệu quả hơn.

- Ứng dụng công nghệ số: Quá trình ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số để đơn giản hóa, tối ưu hóa, tăng hiệu quả của các hoạt động nhưng chưa thay đổi thực sự mô hình hoạt động.

- Chuyển đổi số: là cấp độ các cá nhân, các tổ chức sử dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật... để thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu một cách toàn diện và triệt để, từ đó dẫn đến sự thay đổi mô hình và cách thức hoạt động của tổ chức. Đây là một quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện, từ lãnh đạo cao nhất đến mọi thành viên của tổ chức, từ xây dựng năng lực số đến văn hóa số, xây dựng lộ trình và kế hoạch, từng bước thay đổi theo lộ trình.

Ví dụ, với chính phủ điện tử, ở cấp độ 1, văn bản ở dạng file doc/pdf, số hóa các số liệu thống kê, văn bản, tài liệu, sử dụng chữ ký số. Ở cấp độ 2 có trực liên thông văn bản, eCabinet, điều hành điện tử. Ở cấp độ 3, ví dụ, xử lý kiến nghị của người dân, doanh nghiệp giảm các cơ quan, tổ chức trung gian dựa trên AI, Robots. Các dịch vụ do Chính phủ cung cấp để giải quyết vấn đề an sinh của người dân được tùy biến theo nhu cầu.

Theo các chuyên gia, chuyển đổi số có các mức khác nhau, hiện tại ở Việt Nam chủ yếu là mức số hóa và ứng dụng công nghệ số (tin học hóa). Việc thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi số tương tự thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động ứng dụng công

nghệ và đổi mới sáng tạo với các công nghệ số. Công nghệ cho chuyên đổi số ở các mức độ khác nhau là khác nhau, ở mức chuyên đổi số toàn diện là các công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 (AI, IoT, Blockchain, điện toán đám mây, 5G, AR, in 3D, phân tích dữ liệu lớn; thực tại ảo tăng cường (AR), thực tại ảo hỗn hợp MR...).

b) Khái niệm chuyên đổi số quốc gia

Trong quá trình phát triển của kỷ nguyên số, chuyên đổi số là điều tất yếu mà các quốc gia trên thế giới đang hướng tới. Chuyên đổi số có tác động sâu rộng đến từng cá nhân, công dân, tổ chức, doanh nghiệp, bao trùm lên tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Chuyên đổi số trong tổ chức là quá trình sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tạo mới hoặc sửa đổi các quy trình hoạt động và phương thức làm việc của tổ chức. Chuyên đổi số trong doanh nghiệp là quá trình sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tạo mới hoặc sửa đổi các quy trình kinh doanh, văn hóa và trải nghiệm khách hàng hiện có nhằm đáp ứng các yêu cầu thay đổi của thị trường và kinh doanh.

Chuyên đổi số quốc gia là quá trình chuyên đổi số ở cấp độ quốc gia để xây dựng một quốc gia số. Mục tiêu chuyên đổi quốc gia không chỉ là sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tạo ra tác động lên tăng trưởng, năng suất, mạng lưới sản xuất toàn cầu, thành phần nhu cầu, thương mại và việc làm trong chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu. Mục tiêu của chuyên đổi số sẽ cần bao gồm cả việc chuẩn bị môi trường cho chuyên đổi số, mục tiêu quản trị, mục tiêu kinh tế, mục tiêu xã hội và mục tiêu thể chế. Nhận thức được tầm quan trọng của chuyên đổi số, hiện nhiều nước đã xây dựng và triển khai các chiến lược, chương trình quốc gia về chuyên đổi số. Nội dung chuyên đổi số quốc gia của các nước có khác nhau, phụ thuộc vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Nhìn chung, các quốc gia đều hướng tới các nội dung chính sau:

Một là, chuyên đổi số nền kinh tế (kinh tế số), bao gồm: phát triển các doanh nghiệp số; chuyên đổi số cho các doanh nghiệp truyền thống (hướng tới sản phẩm tích hợp số; chuyên đổi mô hình kinh doanh trên nền tảng số; thay đổi

quy trình sản xuất dựa trên dữ liệu số, tự động hóa, ảo hóa,...); phát triển tài chính số; phát triển thương mại điện tử; chuyển đổi số trong một số ngành trọng điểm để phát triển kinh tế - xã hội như: giáo dục, y tế, nông nghiệp, du lịch, giao thông...

Hai là, chuyển đổi số xã hội (xã hội số), trong đó tập trung vào các lĩnh vực như: ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm khoảng cách xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa, an toàn an ninh xã hội... Xã hội số bao gồm công dân số và văn hóa số. Trong đó, công dân số là thể hệ công dân có khả năng truy cập các nguồn thông tin số, giao tiếp trong môi trường số, định danh và xác thực, dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số; văn hóa số là các quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức của con người trong môi trường số.

Ba là, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước (chính phủ số). Chính phủ số là chính phủ sử dụng dữ liệu số để ra quyết định và coi dữ liệu như một loại tài nguyên, là chuyển đổi về cách thức ra quyết định của cơ quan chính quyền dựa trên dữ liệu được lượng hóa, phân tích và tổng hợp từ nhiều nguồn, nhiều lĩnh vực khác nhau. Chính phủ số cũng là chính phủ kết nối, chia sẻ dữ liệu với người dân, cộng đồng doanh nghiệp nhằm cung cấp dịch vụ công thuận tiện cho doanh nghiệp, người dân, tăng cường sự tham gia người dân trong các hoạt động cơ quan nhà nước; tăng cường hiệu quả hoạt động và đổi mới trong các cơ quan nhà nước; phát triển dữ liệu mở của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Việc tiến hành chuyển đổi số đòi hỏi, cùng với việc cung cấp các dịch vụ trực tuyến và cổng thông tin chính phủ điện tử hỗ trợ người dân thì cần phải có một quá trình chuyển đổi số của chính phủ. Đó là quá trình hiện đại hóa và phát triển các hệ thống trực tuyến dựa trên công nghệ thân thiện với người dùng, lấy người dùng làm trung tâm, định hướng chiến lược và cung cấp những trải nghiệm tốt hơn để đáp ứng nhu cầu của công dân tương tác với chính phủ đồng thời cải thiện cách thức hoạt động của hệ thống chính quyền. Quy trình hiện đại hóa này được gọi là chuyển đổi số chính phủ.

Chuyển đổi số quốc gia được thực hiện ở cấp trung ương và cấp địa phương. Ở cấp địa phương, chuyển đổi số là chuyển đổi sang chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn của địa phương đó. Địa phương chuyển đổi số thành công sẽ đóng góp vào thành công chung của chuyển đổi số quốc gia.

2. Vai trò của chuyển đổi số quốc gia

Chuyển đổi số quốc gia mang lại những lợi ích, giá trị to lớn đối với cả quốc gia, doanh nghiệp và người dân.

- Đối với quốc gia, chuyển đổi số tạo bứt phá và thành công cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển trong việc nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và rút ngắn khoảng cách phát triển. Chính vì vậy, nếu quốc gia nào tận dụng tốt cơ hội mà chuyển đổi số mang lại thì sẽ thành công.

Chuyển đổi số giúp tiết kiệm chi phí, minh bạch thông tin và phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn. Chuyển đổi số đóng góp nhiều nguồn lực và giá trị mới cho phát triển kinh tế của các quốc gia. Chuyển đổi số còn đem lại những giải pháp thông minh, hiệu quả trong giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường, chẳng hạn như: xây dựng đô thị thông minh giúp hạn chế khí thải nhà kính, ô nhiễm môi trường, tiết kiệm năng lượng, hạn chế được tình trạng tội phạm, ùn tắc, tai nạn giao thông...

- Đối với Chính phủ, chuyển đổi số sử dụng dữ liệu và hệ thống công nghệ số nhằm thay đổi trải nghiệm người sử dụng với các dịch vụ công do Nhà nước cung cấp. Chuyển đổi số quốc gia còn giúp các cơ quan của nhà nước bỏ qua những thủ tục cồng kềnh, mất thời gian trong khi xử lý công việc đem lại hiệu quả cao hơn. Người đứng đầu mỗi cơ quan dễ dàng kiểm soát, quản lý công việc thuận tiện hơn, dễ đánh giá hiệu quả của mỗi cán bộ trong công việc. Giảm nhân lực trong việc xử lý công việc, tinh gọn bộ máy, đơn giản thủ tục hành chính, tiết kiệm ngân sách trả lương cho cán bộ của nhà nước. Việc thay đổi hệ thống công nghệ cũng làm thay đổi nghiệp vụ, mô hình và phương thức hoạt động của bộ máy cơ quan nhà nước, từ điều hành quản lý cho đến hoạch định chiến lược.

Việc mỗi quốc gia chuyển đổi số sẽ đem lại sự hoàn chỉnh tổng thể về thể chế pháp lý, đảm bảo cơ sở hạ tầng số. Từ đó người dân thuận lợi hơn trong việc nắm bắt thông tin và thuận lợi hơn trong các hoạt động xã hội.

Chuyển đổi số cũng đang dần thay đổi nhận thức của những nhà lãnh đạo, những người đứng đầu các quốc gia, tổ chức, có khả năng quyết định hướng đi và sự thành công của quốc gia và tổ chức. Hiện nay, các quốc gia trên thế giới đã đầu tư rất nhiều vào hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho quá trình chuyển đổi số trước những lợi ích mà nó đem lại. Chính phủ các nước dần ứng dụng chuyển đổi số vào công tác xây dựng “Nhà nước số”, “Chính phủ điện tử”. Đồng thời cũng đưa ra nhiều biện pháp hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng những thành tựu của chuyển đổi số vào quá trình vận hành kinh doanh doanh nghiệp. Đối với hoạt động nhằm đảm bảo an ninh quốc gia, các bộ máy chính quyền của nhiều quốc gia đã ngay lập tức áp dụng chuyển đổi số khi nhận thức được tầm quan trọng của nó.

- Đối với doanh nghiệp, đầu tiên là sự cắt giảm chi phí vận hành và tiếp cận nhiều khách hàng hơn, dễ dàng trong việc quản lý: ra quyết định nhanh chóng, nắm bắt tiến độ chính xác, tối ưu hóa công việc của nhân viên, mang lại hiệu quả trong hoạt động và nâng cao sự cạnh tranh. Đặc biệt, chuyển đổi số mang lại rất nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nhỏ, các công ty khởi nghiệp (startup). Nếu trước đây, các công nghệ kiểu cũ thì chỉ có các công ty lớn, có rất nhiều tiềm lực kinh tế mới có thể tiếp cận được thì bây giờ, công ty nhỏ hay startup mới đều có thể tiếp cận được công nghệ không thua kém gì các những công ty lớn.

- Đối với người dân, việc chuyển đổi số sẽ mang lại nhiều lợi ích quan trọng cho người dân như: Khi thực hiện Chính phủ số, mỗi người dân sẽ được cấp một mã số định danh và được trải nghiệm các dịch vụ số hiện đại và được chăm sóc tốt hơn. Khi thực hiện kinh tế số, mỗi người dân, mỗi gia đình đều có thể trở thành một doanh nghiệp có thể tiếp cận thị trường một cách nhanh chóng theo cách chưa từng có. Khi thực hiện xã hội số sẽ giúp xóa nhòa khoảng cách địa lý, tạo cơ hội bình đẳng, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân để

“Không ai bị bỏ lại phía sau”. Chẳng hạn, học sinh ở miền núi có thể được học trực tuyến với những thầy giáo giỏi nhất ở Hà Nội. Một người lao động Việt Nam ở nước ngoài có thể nhận được những ý kiến tư vấn, chăm sóc y tế từ xa bởi những bác sĩ giỏi nhất ở các bệnh viện hàng đầu Việt Nam, với giá thành dịch vụ rẻ hơn gấp nhiều lần so với ở nước ngoài...

Đối với người tiêu dùng, chuyển đổi số cũng đang dần tác động vào trong cuộc sống khi có thể trải nghiệm các dịch vụ công hay các dịch vụ được cung cấp từ các doanh nghiệp ngày càng thuận tiện, nhanh chóng. Các giao dịch như: ngân hàng, mua sắm... hoàn toàn có thể thực hiện qua mạng mà không cần phải đến tận nơi thực hiện.

Theo báo cáo của các tổ chức uy tín trên thế giới, quyết tâm chuyển đổi số mạnh mẽ sẽ giúp các nước đang phát triển, trong đó có thể giúp Việt Nam tăng năng suất lao động lên từ 30 đến 40%, góp 20 đến 30% trong tăng trưởng GDP, tránh được bẫy thu nhập trung bình²⁹⁴.

3. Các mô hình chuyển đổi số quốc gia

Chuyển đổi số là quá trình diễn ra toàn cầu của thế kỷ 21, nước nào đi trước và tận dụng cơ hội chuyển đổi số toàn diện nhất sẽ có được ưu thế cạnh tranh vượt trội. Mặc dù định hướng mục tiêu chiến lược chuyển đổi số ở các quốc gia tương đồng nhau, nhưng các nhiệm vụ, giải pháp có thể khác nhau do mỗi quốc gia có hệ thống, phương pháp quản lý, vận hành khác nhau, có những thuận lợi và khó khăn khác nhau.

Ví dụ. Vương quốc Anh định hướng chiến lược tập trung phát triển dịch vụ công số, ở Đức là ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, Trung Quốc tập trung xây dựng chính phủ số, hay Mỹ tập trung vào xây dựng doanh nghiệp số²⁹⁵.

Ở Anh, phát triển kinh tế số gắn chặt với chuyển đổi số các dịch vụ. Từ năm 2010 đã ban hành Luật Kinh tế số (Digital Economy Act). Các hệ thống đổi mới, cải tiến được hiện đại hóa, cho phép tạo dựng các quan hệ giữa tất cả những tổ chức tham qua vào quá trình chuyển đổi số với nhà nước. Cục Đổi mới

²⁹⁴ Chuyển đổi số quốc gia sẽ đưa nền kinh tế lên quỹ đạo tăng trưởng mới. <https://nhandan.vn>, ngày 20/6/2022.

²⁹⁵ Индекс digital-развития 60 стран. Исследование. Rusability. [Электронный ресурс]. URL: <https://rusability.ru/research/indeks-digital-razvitiya-60-stran-issledovanie>

sáng tạo nhà nước (Innovate UK) được thành lập để hỗ trợ cho các nghiên cứu khoa học lĩnh vực kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo, tổ chức các cuộc thi và huy động các quỹ tài chính của doanh nghiệp và nhà nước. Thị trường các dịch vụ số ở Anh phát triển chủ yếu trong lĩnh vực tài chính và kinh doanh điện tử, giáo dục (RefMe, eSchools) và sức khỏe (Network Locum), xây dựng, giao thông vận tải đường sắt.

Mô hình của Singapore, Đan Mạch cũng chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ công số, triển khai hệ thống dữ liệu dùng chung đến nay hầu như 100% dịch vụ công được cung cấp cho người dân là trực tuyến, và để làm điều đó đã hoàn thành cấp mã số định danh công dân, an toàn thông tin được đảm bảo ở 2 cấp độ kiểm tra. Đội tình nguyện viên luôn túc trực ở các khu dân cư để hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời. Nhà nước cũng có chính sách hỗ trợ cung cấp các dịch vụ internet miễn phí cho nhóm yếu thế, người già²⁹⁶.

Chính phủ Na uy đầu tư vào những lĩnh vực kinh doanh đổi mới công nghệ tới 50% cơ cấu đầu tư. Trong cơ cấu ngân sách cho các hoạt động chuyển đổi công nghệ chiếm 55% đầu tư nhà nước, trong đó có cả chính sách cho những doanh nghiệp tham gia vào chuyển đổi số như ưu đãi thuế và hỗ trợ trực tiếp, một phần thông qua các quỹ. Ngân sách đầu tư tăng lên hàng năm, tập trung vào phát triển hạn tầng công nghệ, tài trợ cho các nghiên cứu và thu hút những nghiên cứu tốt nhất, quốc tế hóa các dự án.

Mô hình Nhật Bản dựa trên chính sách quốc gia “Xã hội 5.0” năm 2016. Trong đó tập trung vào giải quyết các vấn đề xã hội số và kinh tế số. Chính phủ Nhật Bản triển khai chương trình kết nối các lĩnh vực (Connected Industries), bao gồm những hướng đổi mới như tự động hóa, phát triển kỹ thuật robot, và hạ tầng sản xuất, công nghệ sinh học, hóa học và thành phố thông minh. Chiến lược “Xã hội 5.0 đảm bảo có lợi cho tất cả các bên: kinh doanh, khởi nghiệp công nghệ và Nhà nước, làm cho mô hình kinh tế số và xã hội số Nhật Bản trở thành ưu thế vượt trội.

²⁹⁶ Топ 10 стран с наиболее развитой цифровой экономикой. Web-payment.ru. [Электронный ресурс]. URL: <http://web-payment.ru/article/250/top-10-cifrovaya/>.

Ở Đức, một mặt thuộc nhóm có tốc độ chuyển đổi số chậm hơn, nhưng mặt khác, chính sách hỗ trợ thúc đẩy các công nghệ số lại đi đầu trong các nước. Mô hình Đức định hướng trọng tâm xây dựng nền “sản xuất thông minh” (smart manufacturing) nhờ các hệ thống tự động hóa (CPS). Vào năm 2015, liên bang đã thành lập nền tảng mạng Công nghiệp 4.0 trong kinh doanh, bao gồm quy định khung kiến trúc, quy định, tiêu chuẩn, các bộ phận đảm bảo an toàn thông tin, xây dựng cơ sở pháp lý, về đào tạo và nâng cao năng lực, về cấu trúc lại mối quan hệ giữa bộ máy quyền lực nhà nước với sản xuất kinh doanh, tổ chức khoa học và với xã hội. Mục tiêu đến năm 2020 tỷ lệ ứng dụng công nghệ số trong các dây chuyền sản xuất lên đến 83%.

Châu Á là điểm nóng của việc tiếp cận kỹ thuật số và những quốc gia đang phát triển có tiềm năng to lớn nhờ vào tốc độ đột phá trong tiếp cận kỹ thuật số. Tại Trung Quốc, mô hình trên cơ sở ứng dụng tích cực các thành tựu thế giới trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mở rộng cho các công ty nước ngoài gia nhập thị trường rộng lớn của Trung Quốc với điều kiện bắt buộc, đó là “đầu tư nước ngoài, vận hành và sở hữu Trung Quốc”. Vào năm 2015 chương trình “Internet + “ được thông qua với mục tiêu chính là đến năm 2049 hoàn thành phát triển xã hội số. Chương trình đặt mục tiêu nâng tỷ lệ kinh tế số trong cơ cấu GDP là từ 6-7% vào năm 2014 lên 35% đến năm 2020 và đến năm 2030 là 50%. Hiện nay mô hình Trung Quốc cho phép trong thời gian ngắn đạt được thành tựu lớn, đặc biệt những thành tựu lớn trong chế tạo các thiết bị điện tử cho ngành hàng không và y học. Vấn đề an ninh mạng được chú trọng và đang cố gắng tự chủ hoàn toàn.

Hiện nay trong các nghiên cứu, việc xác định các quốc gia theo các mô hình chuyển đổi số nào chủ yếu dựa trên kết quả chuyển đổi số được xếp theo thứ hạng theo các bộ chỉ số quốc tế. Các Bộ chỉ số quốc tế phổ biến đó là Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử và Chỉ số Phát triển số.

Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (E-Government Development Index-EGDI) được Liên hợp quốc sử dụng để đánh giá hai năm một lần cho tất cả 193 nước thành viên. Đây là bộ chỉ số tổng hợp trung bình về ba lĩnh vực quan trọng

nhất của Chính phủ điện tử: dịch vụ công trực tuyến, hạ tầng viễn thông, nguồn nhân lực. EGDI được sử dụng để đo lường sự sẵn sàng và khả năng của một quốc gia trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và Truyền thông để cung cấp các dịch vụ công. Chỉ số này giúp cho các quốc gia, các tổ chức nghiên cứu, nhà hoạch định có sự hiểu biết sâu sắc hơn về điểm chuẩn so sánh của các vị trí tương đối của một quốc gia trong việc sử dụng Chính phủ điện tử cho các hoạt động, trách nhiệm công dân và khả năng cung cấp dịch vụ công. Mỗi bộ chỉ số tự nó là một thước đo tổng hợp có thể được tách ra và phân tích một cách độc lập. Năm 2020, Liên hợp quốc khởi động “Chính phủ số trong thập kỷ hành động vì sự phát triển bền vững” (“Digital Government in the Decade of Action for Sustainable Development”), theo đó các chỉ số được điều chỉnh để phù hợp hơn trong đánh giá mức độ phát triển của Chính phủ số.

Chỉ số Phát triển số (Digital Evolution Index - DEI) đã được đưa ra bởi Harvard Business Review trên cơ sở hợp tác với Trường Fletcher thuộc Đại học Tufts với sự hỗ trợ của Mastercard và DataCash nhằm đánh giá mức độ sẵn sàng cho nền kinh tế số và xã hội số của các quốc gia. Chỉ số DEI bao gồm 4 yếu tố chính: các yếu tố liên quan đến bên cung (bao gồm truy cập, thực hiện, và hạ tầng các giao dịch); các yếu tố liên quan đến bên cầu (bao gồm hành vi và xu hướng của người tiêu dùng, kiến thức thực tế về tài chính, Internet, và truyền thông xã hội); sự đổi mới (bao gồm hệ thống kinh doanh, công nghệ và huy động vốn, sự hiện diện và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố mang tính chất rào cản cũng như của các ý tưởng và văn hóa khởi nghiệp); và thể chế (bao gồm tính hiệu quả của các chính sách của Chính phủ và vai trò của Chính phủ trong điều tiết doanh nghiệp, ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật cũng như thúc đẩy môi trường kỹ thuật số).

Từ kết quả của các bộ chỉ số trên, các quốc gia được xếp hạng và chia nhóm theo 4 mô hình phát triển chính sau:

- Mô hình phát triển “đi đầu” (**Stand Out**): các quốc gia có trình độ phát triển công nghệ rất cao và có động lực phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, duy trì được động lực như vậy là một thử thách và các quốc gia này cần giữ được guồng

quay sáng tạo và khai thác thêm nhiều nhu cầu mới. **Thuộc nhóm này có các quốc gia như** Đan Mạch, Estonia, Anh, Mỹ Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Hồng Kông, Israel, các nước Bắc Âu.

- Mô hình phát triển “**chững lại**” (**Stall Out**): các quốc gia phát triển công nghệ cao thành công và đang tận hưởng thành quả từ công cuộc đó nhưng không thể hiện động lực phát triển hơn nữa. Điều các quốc gia này cần làm là loại bỏ những yếu tố cản trở sự sáng tạo và tự đổi mới chính mình. **Thuộc nhóm này là** Úc, các nước Tây Âu như Đức, Hà Lan, Iceland...

- Mô hình phát triển “**bứt phá**” (**Break out**): các quốc gia chỉ đạt điểm thấp về thành quả công nghệ số hóa nhưng có mức độ tăng trưởng rất ấn tượng với động lực lớn, có thị trường tiềm năng và sức hấp dẫn mạnh mẽ với các nhà đầu tư. Để tận dụng hết những lợi thế này, họ cần xây dựng nhiều cơ chế tốt hơn để khuyến khích và nuôi dưỡng sự sáng tạo. **Thuộc nhóm này là** Trung Quốc, Kenia, Nga, Ấn Độ, Malaysia, Philippin, Brazil, Chile...

- Mô hình phát triển “**cầm chừng**” (**Watch Out**): các quốc gia có kết quả số hóa và động lực phát triển đều thấp với những lỗ hổng về cơ sở hạ tầng, kìm hãm trong cơ chế pháp luật và nhu cầu thị trường công nghệ thấp. Điều quan trọng nhất các quốc gia này cần làm để cải thiện vị thế là giải quyết những lỗ hổng và tăng cường tiếp cận với các thành quả công nghệ đã có trên thế giới. **Thuộc nhóm này là** Peru, Ai Cập, Hy Lạp, Pakistan...

Cũng cần lưu ý là thứ hạng các nước cũng thay đổi hàng năm và có những nước có thể nằm ở ranh giới giữa các mô hình trên.

Việt Nam nằm trong nhóm “**bứt phá**”, là quốc gia hiện có điểm số về mức độ trung bình, nhưng đang phát triển nhanh chóng và được đánh giá là có cơ hội lớn để trở nên nổi bật trong tương lai²⁹⁷.

²⁹⁷ Theo bảng xếp hạng Chỉ số phát triển chính phủ điện tử EGDI của Liên hợp quốc năm 2014 với 193 quốc gia, Việt Nam xếp hạng 99 trên thế giới, đứng thứ 5 trong khối ASEAN. Việt Nam đã luôn duy trì được việc tăng hạng liên tục từ năm 2014 đến nay, từ vị trí 99 lên vị trí 86 (2020 xếp hạng 86, năm 2018 xếp hạng 88, năm 2016 xếp hạng 89, năm 2014 xếp hạng 99).

Trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam xếp thứ 6 trong 11 nước, vẫn giữ nguyên vị trí như năm 2018; 05 nước có vị trí cao hơn Việt Nam vẫn là Singapore, Malaysia, Thái Lan, Brunei và Philippines. Việt Nam xếp hạng trên Indonesia nhưng khoảng cách giữa Việt Nam và Indonesia bị thu hẹp đáng kể. Đáng chú ý là sự tăng hạng mạnh của một số nước; Campuchia tăng 21 bậc, từ vị trí 145 lên vị trí 124; Indonesia tăng 19 bậc, từ vị trí 107 lên vị trí 88; Thái Lan tăng 16 bậc, từ 73 lên vị trí 57; Myanmar tăng 11 bậc, từ vị trí 157 lên vị trí 146.

Từ những mô hình chuyển đổi số quốc gia, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Chuyển đổi số cần được tiến hành hệ thống trên các trục chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, tính đến khía cạnh đảm bảo pháp lý, lợi ích của các bên: doanh nghiệp - nhà nước - xã hội, tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu hạn chế, rủi ro. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, đặc biệt là các công cụ ưu đãi thuế, chính sách tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, cho các doanh nghiệp tư nhân; nâng cao chi phát triển công nghệ, liên kết giữa khoa học và sản xuất trong khuôn khổ hợp tác công tư; thúc đẩy chuyển đổi số trong công nghiệp, tài chính, thương mại, ứng dụng sản xuất thông minh; y tế, giáo dục; đảm bảo hệ thống hạ tầng ổn định và an toàn; các điều kiện thu hút các nguồn lực trí thức; giảm tình trạng mất cân bằng số giữa các khu vực; đảm bảo mức độ đào tạo năng lực số cần thiết cho công chức và người dân.

4. Chuyển đổi số quốc gia ở Việt Nam

Chuyển đổi số quốc gia là quá trình phát triển tất yếu trên toàn cầu và Việt Nam cũng không thể nằm ngoài lộ trình ấy. Chuyển đổi số được Đảng ta xác định là cơ hội bứt phá để nước ta nhanh chóng bắt kịp các nước phát triển, là phương thức đột phá để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Việt Nam đang nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, coi đó là một trong những trụ cột quan trọng, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới. Tận dụng lợi thế của một quốc gia đi sau trên con đường phát triển, Việt Nam cần phải tận dụng những lợi thế của chuyển đổi số để hiện đại hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội, tăng khả năng cạnh tranh, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Năm bắt xu thế này, ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52/NQ-TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghị quyết đã nhận thức rõ về ưu thế

Thêm nữa, 5 quốc gia xếp trên Việt Nam là Singapore, Malaysia, Thái Lan, Brunei, Philippines và quốc gia ngay sau Việt Nam đều đã tuyên bố chiến lược phát triển chính phủ số. Điều này cũng cho thấy, khó có sự dừng lại của các nước khác trong tiến trình này.

của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đổi mới mô hình tăng trưởng trên cơ sở, nền tảng chuyển đổi số khi khẳng định: Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế..., phát triển mạnh mẽ kinh tế số, phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao để đến năm 2025, kinh tế số chiếm 20% GDP và đến năm 2030 là 30% GDP.

Trong Văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, những khái niệm như: Chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số đã lần đầu tiên được đề cập. Nội hàm của những khái niệm này cũng được nhấn mạnh nhiều lần trong mục tiêu, quan điểm phát triển và các đột phá chiến lược. Văn kiện đã chỉ rõ: Phần đầu đến năm 2030 hoàn thành xây dựng chính phủ số, kinh tế số đạt khoảng 30% GDP và đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ 3 trong khu vực ASEAN về Chính phủ số và kinh tế số. Từ đó, Đảng ta cũng đã chỉ ra định hướng mang tính chiến lược: Chú trọng phát triển hạ tầng viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số và xã hội số.

Hiện thực hóa những chủ trương trên, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020. Chương trình chuyển đổi số của Việt Nam còn được gọi là “Chương trình thông minh hóa quốc gia” với ba trụ cột chính: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Theo đó, Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu, với các chỉ số cụ thể.

Chương trình đề ra mục tiêu đến năm 2025 phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động với 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4

được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước). 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội; 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. Phần đầu Việt Nam sẽ gia nhập nhóm 70 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).

Về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, mục tiêu đến năm 2025 là kinh tế số chiếm 20% GDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%; Việt Nam sẽ thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI), thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh (GCI), thuộc nhóm 35 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (GII).

Về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, mục tiêu đến năm 2025 là hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%; phần đầu Việt Nam thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).

Theo Chương trình, đến năm 2030, dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp 100% trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. 100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã sẽ được xử lý trên môi trường mạng

(trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp; 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

Ngoài ra, Việt Nam đặt mục tiêu gia nhập nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI). Về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam sẽ phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ mạng di động 5G; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử là trên 80%. Việt Nam sẽ thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).

Quyết định nêu rõ nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số là chuyển đổi nhận thức; kiến tạo thể chế; phát triển hạ tầng số; phát triển nền tảng số; tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng; hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số.

Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính phủ số là:

- Phát triển hạ tầng Chính phủ số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thể mạnh của Mạng Truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các Bộ, ngành, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

- Đẩy mạnh triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển Chính phủ điện tử; xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn), tích hợp với thành phần dữ liệu mở của hệ tri thức Việt số hóa, cung cấp dữ liệu mở,

cung cấp hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ và sử dụng dữ liệu và các thông tin cần thiết để kết nối; phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của các Bộ, cơ quan, địa phương; áp dụng công nghệ mới nhất về truyền thông xã hội (Social), cung cấp thông tin, dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên di động (Mobile), phân tích dữ liệu (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR) để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng;

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống Công Dịch vụ công quốc gia kết nối với Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử của các Bộ, ngành, địa phương để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; đưa toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, 4; Đồng thời, chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định; thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh, thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh;

- Lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để triển khai thử nghiệm, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, phát triển bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Xác định mô hình triển khai thành công để phổ biến, nhân rộng; xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước...

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với tầm nhìn 10 năm sẽ thay đổi toàn diện đất nước, đặt ra các mục tiêu: Việt Nam sẽ thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử, kinh tế số đóng góp 30% GDP; năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%; mọi người dân

có cơ hội tiếp cận, trải nghiệm các dịch vụ thiết yếu thông minh, không ai bị bỏ lại phía sau. Để đạt được mục tiêu đó, cần có quyết tâm và đột phá với cách làm mới, phù hợp với bối cảnh và thực tiễn.

Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ) cùng với Chiến lược quốc gia về kinh tế số và xã hội số là nền tảng pháp lý quan trọng trong việc triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia. Những nhiệm vụ đề ra cho thấy Chính phủ đã xác định được những lĩnh vực cần ưu tiên và đã thấy được những thách thức chung về nhận thức, thể chế, chính sách, về hạ tầng và nền tảng số, về nguồn nhân lực và kỹ năng số, để đề ra những biện pháp, giải pháp thực hiện cụ thể.

II. KHÁI QUÁT VỀ QUẢN LÝ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

1. Khái niệm và trách nhiệm trong quản lý chuyển đổi số quốc gia

Chuyển đổi số là nhiệm vụ cần sự vào cuộc quyết tâm của toàn hệ thống chính trị, triển khai xuyên suốt, đồng bộ từ cấp Trung ương đến địa phương. Theo đó, các bộ, ngành, địa phương phải coi chuyển đổi số quốc gia là một nhiệm vụ quan trọng trong chỉ đạo, điều hành. Trong đó, vai trò của người đứng đầu chính quyền địa phương, đơn vị, các ngành trong quản lý chuyển đổi số quốc gia là cực kỳ quan trọng.

Quản lý chuyển đổi số quốc gia là hoạt động có định hướng, có tổ chức và có kế hoạch nhằm chỉ đạo, triển khai thực hiện chiến lược và chương trình chuyển đổi số quốc gia.

Về trách nhiệm trong quản lý chuyển đổi số quốc gia, tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước phát triển chính phủ số cần được kiện toàn, đồng bộ từ trung ương đến địa phương. Ủy ban Quốc gia về Chính phủ số được mở rộng chức năng, nhiệm vụ để chỉ đạo thêm nội dung về chuyển đổi số, kinh tế số và đô thị thông minh; Ban Chỉ đạo Chính phủ điện tử, Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ/Chính quyền điện tử, chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương được mở rộng các chức năng, nhiệm vụ tương ứng.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả phát triển chính phủ số, chính quyền số tại bộ, ngành, địa phương mình.

Bộ Thông tin và Truyền thông, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm trong việc tổ chức, điều phối công tác phát triển chính phủ số các cấp.

Các cơ quan, đơn vị, công chức các bộ, ngành, địa phương trong phạm vi trách nhiệm thẩm quyền, phối hợp với các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin tham mưu, tổ chức triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số tại các bộ, ngành, lĩnh vực, địa phương.

Người đứng đầu chính quyền các cấp, các ngành chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tiên phong, đi đầu trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của địa phương, đơn vị; lấy việc triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu các cơ quan, chính quyền các cấp.

Với chính phủ điện tử, chính phủ số cần phải tăng cường hợp tác giữa các cơ quan nhà nước, đặc biệt trong việc cải tiến các dịch vụ công và tăng khả năng cạnh tranh của quốc gia. Các kênh giao tiếp và cơ quan phối hợp chính thống cần được thiết lập ở mọi cấp chính quyền.

Các phương tiện truyền thông cần đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích công dân và doanh nghiệp ở các tỉnh, thành phố hỗ trợ Chính phủ đưa ra các sáng kiến về chính phủ điện tử, đặc biệt là các sáng kiến trong cung cấp dịch vụ công, cũng như đưa ra các phản hồi để chính phủ cải thiện hoạt động.

2. Thách thức đối với quản lý chuyển đổi số quốc gia

Để chuyển đổi số ở Việt Nam thành công, chúng ta không chỉ nhìn thấy thời cơ, lợi thế, không chỉ đề ra các chủ trương, chính sách, đề án, chương

trình,... chuyển đổi số, mặc dù đó là yếu tố quan trọng, mà vấn đề quan trọng hơn là cần phải đánh giá đúng các thách thức và tìm ra cách thức, giải pháp hữu hiệu để vượt qua những thách thức đó.

Việt Nam cần nhận thức rõ các thách thức và những vấn đề đặt ra để cải thiện tình hình. Những thách thức cơ bản đó là:

- Thứ nhất là về nhận thức, tư duy và tầm nhìn. Nhận thức về chuyển đổi số như là tiến trình mang tính tất yếu, về chiến lược tiếp cận ở cả cấp độ quản lý nhà nước đến cấp độ doanh nghiệp và của người dân còn chưa cao.

Xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số đòi hỏi tất cả lãnh đạo, công chức trong các cơ quan nhà nước phải nhận thức đúng và hiểu được tầm quan trọng của chính phủ điện tử và chính phủ số. Cần nâng cao khả năng lãnh đạo chuyển đổi số đến từng cá nhân.

Không chỉ từng cá nhân mà cho tới các tổ chức, cơ quan chưa hiểu hết ý nghĩa việc chia sẻ thông tin, dữ liệu - cho dù đó chỉ là những dữ liệu có thể dùng chung. Người dân cho tới nay vẫn còn phải bổ sung thông tin cá nhân, những sự chỉnh sửa, cập nhật theo kiểu thủ công trên mỗi ứng dụng và tại mỗi cơ quan, tổ chức. Nếu như có được cơ sở dữ liệu dùng chung mà toàn hệ thống đều cùng sử dụng, chuyển đổi số ắt làm người dân hài lòng hơn.

Đối với cơ quan nhà nước, Chính phủ số xử lý văn bản không giấy, họp không gặp mặt, xử lý thủ tục hành chính không tiếp xúc và thanh toán không dùng tiền mặt. Sự thay đổi chỉ có thể bắt đầu từ người đứng đầu. Thách thức lớn nhất cho cơ quan nhà nước là nhận thức và sự vào cuộc thực sự của người đứng đầu, là chuyện dám làm hay không dám làm.

- Thứ hai là về thể chế pháp lý. Sự thay đổi đòi hỏi phải triển khai các giải pháp công nghệ số, có những việc hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ. Thách thức không nhỏ là môi trường pháp lý để triển khai. Đây là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy hoặc có thể kìm hãm sự phát triển chính phủ số. Chính phủ điện tử là chủ đề cần quan tâm đến không chỉ trên phương diện kinh tế, kỹ thuật mà các vấn đề pháp lý, chính sách lên quan đến bản quyền, văn hóa xã hội cũng phải

được xem xét. Cơ sở pháp lý đóng vai trò quan trọng trong việc ứng dụng chính phủ điện tử thành công.

Thế chế pháp lý về quy trình, thủ tục, nghiệp vụ hành chính cũng cần được thay đổi. Chính phủ điện tử không đơn thuần chỉ là ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông. Khi triển khai chính phủ điện tử, điều quan trọng là phải đảm bảo thủ tục hành chính và quy trình quản lý được xem xét lại và đơn giản hóa. Các cơ quan quản lý cần nghĩ đến các quy trình công việc hơn là các chức năng công việc của mỗi cơ quan và cá nhân, chú trọng hơn tới người dân và doanh nghiệp cũng như sự hợp tác giữa các cơ quan.

- Thứ ba là về hạ tầng số. Để xây dựng chính phủ số và chuyển đổi số thành công, cần xây dựng hạ tầng số với cơ sở dữ liệu quốc gia, bao gồm hạ tầng thiết bị, truyền thông, hạ tầng dữ liệu, ứng dụng và hạ tầng nghiên cứu phát triển. Trong đó, quan trọng nhất là kết nối cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương với một hạ tầng kết nối băng rộng, sử dụng công nghệ tiên tiến và những ứng dụng dùng chung nhằm đảm bảo được sự kết nối liên thông.

- Thứ tư là nguồn nhân lực. Sự phát triển của Cách mạng công nghiệp 4.0 đặt ra yêu cầu mới đối với nguồn nhân lực tương lai nói chung và nhân lực trong khu vực công nói riêng. Cán bộ, công chức, viên chức là những nhân vật trung tâm của chính quyền số. Trên thực tế còn một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức có những hạn chế trong tư duy, trong hành động quản lý cũng như về khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc, thói quen sử dụng văn bản giấy tờ, thói quen cát cứ dữ liệu, không chia sẻ thông tin... chưa được khắc phục.

- Thứ năm là an toàn, an ninh mạng. Khi đã có một hệ thống đáp ứng được yêu cầu của chuyển đổi số, phục vụ cho chính phủ số, việc bảo vệ hệ thống đó tránh các cuộc xâm nhập và phá hoại bên trong và ngoài nước là vô cùng quan trọng bởi hầu hết các máy tính đều có khả năng kết nối toàn cầu. Chỉ khi bảo vệ được an toàn hệ thống thì mới triển khai được chính phủ số bền vững.

Cũng như một số quốc gia, Việt Nam hiện gặp phải những thách thức về an toàn thông tin do số người sử dụng lớn, trình độ đa dạng; thiết bị đầu cuối khác

nhau; khó khăn trong kiểm soát bảo mật; phần mềm ứng dụng đa dạng, khả năng duy trì và nâng cấp hạn chế.

- Thứ sáu là nguồn lực tài chính. Nhà nước cần điều chỉnh cơ chế đầu tư đặc thù cho công nghệ thông tin, tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn lực phù hợp với các kế hoạch, mức ưu tiên, bao gồm cả hình thức đối tác công - tư để phát triển chính phủ số.

Để bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, thực hiện chuyển đổi số, bên cạnh việc có hành lang pháp lý, lộ trình, cơ chế; đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ công nghệ thông tin phù hợp thì phải có đủ nguồn lực tài chính mới có thể phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, hiện nay mức chi đầu tư cho chuyển đổi số tại Việt Nam còn thấp, chỉ chiếm từ 0,3-0,5% GDP. Trong khi mức đầu tư trung bình trên thế giới phải gấp ít nhất 3 lần như thế.

- Thách thức cuối cùng là năng lực xã hội tức là năng lực số của người dân. Sự phát triển nhanh chóng của chính phủ điện tử đòi hỏi trình độ dân trí cần được cải thiện với mức độ tương ứng. Tỷ lệ doanh nghiệp, người dân hiểu biết, sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông còn thấp. Bên cạnh một bộ phận người dân chưa quen với công nghệ, chưa tiếp cận với dịch vụ công trực tuyến thì vẫn còn không ít doanh nghiệp, người dân có tâm lý muốn giải quyết công việc bằng cách nhờ vả quan hệ thân hữu hoặc “bôi trơn” cho nhanh được việc. Đối với mỗi người dân, sự thay đổi đòi hỏi thay đổi kỹ năng và thói quen. Thách thức lớn nhất cho xã hội trước mắt là kỹ năng số của người dân, sau đó là thói quen và văn hóa sống trong môi trường số.

3. Yêu cầu đối với quản lý chuyển đổi số quốc gia

Quản lý chuyển đổi số quốc gia cần dựa trên các yêu cầu:

- Phải lấy người dân làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực cho chuyển đổi số. Mọi chính sách đều hướng về người dân, doanh nghiệp; và người dân, doanh nghiệp cần tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

- Phải có tư duy đột phá, tầm nhìn chiến lược, có cách làm phù hợp, nhất là bám sát thực tiễn để xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số. Làm việc

có trọng tâm, trọng điểm, nguồn lực ít nhưng phải có hiệu quả lớn, sức lan tỏa rộng, mang lại lợi ích cho nhiều người, nhiều doanh nghiệp.

Chuyển đổi số là một thứ phải đo ni đóng giày cho từng tổ chức, địa phương. Không hề có khuôn mẫu chung cho tất cả, nhưng sẽ tốt cho tất cả nếu như các tổ chức có năng lực và kinh nghiệm đứng ra dẫn dắt công cuộc chuyển đổi số xây dựng được những cái khung đa dạng rồi có thể hiệu chỉnh cho từng đối tượng. Mỗi ngành, lĩnh vực cần phải được các nhà chuyên môn khảo sát, tư vấn tìm ra giải pháp riêng cho mình. Trên tất cả là phải có sự điều hành chung thống nhất từ cấp Chính phủ, vừa bảo đảm sự hợp nhất, đồng bộ, vừa tránh tình trạng nơi làm, nơi không.

- Phải có đầu tư thích đáng cho hoàn thiện thể chế, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, quản trị trên cơ sở khoa học, hợp lý, hiệu quả...

Để chuyển đổi số thành công, quản lý chuyển đổi số quốc gia cần tập trung thực hiện một số biện pháp cơ bản như:

- Ban hành và thực thi chính sách chuyển đổi số. Tạo hành lang pháp lý, thể chế đồng bộ cho quá trình chuyển đổi số, quản lý pháp luật số nhằm có một môi trường số lành mạnh.

- Xây dựng tài nguyên số, dữ liệu số để vận hành các dịch vụ số.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số, công cụ sản xuất số, công cụ quản lý số làm nền tảng cho các dịch vụ số hoạt động.

- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông, chủ thể trực tiếp của tiến trình chuyển đổi số.

- Quản lý được các nguy cơ và rủi ro trên không gian mạng.

III. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUẢN LÝ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

1. Xây dựng chiến lược và thể chế chuyển đổi số

Chiến lược phát triển chính phủ số được xây dựng dựa trên hiện trạng chính phủ điện tử, xu thế phát triển chính phủ số của thế giới, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Nội dung chiến lược phát triển chính phủ số phải xác định được tầm nhìn, mục tiêu, giải pháp phát triển chính phủ số trong dài hạn, thường

là các giai đoạn 05 năm; phải thể hiện được sự khác biệt giữa phát triển chính phủ số và chính phủ điện tử. Chiến lược phát triển chính phủ số là kim chỉ nam để xây dựng các kế hoạch hành động phát triển chính phủ số.

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới ban hành chương trình hay chiến lược về Chuyển đổi số quốc gia, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nhận thức về chuyển đổi số song hành cùng các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Đây là điều kiện thuận lợi để Việt Nam chủ động khai thác triệt để các cơ hội mà cuộc cách mạng công nghệ mang lại và bứt phá vươn lên, thay đổi thứ hạng. Chính phủ Việt Nam cũng đang từng bước áp dụng vào công tác quản lý và xây dựng chính phủ điện tử với các chính sách - pháp luật đang được sửa đổi nhằm có hệ thống pháp lý phù hợp với xu hướng hiện nay. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam còn khuyến khích các ngành/ngành, doanh nghiệp áp dụng chuyển đổi số trong tất cả lĩnh vực, như: Chuyển đổi số doanh nghiệp, chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, trong công tác truyền thông... Tuy vậy, Chính phủ cũng cần phải hoạch định lại các chiến lược chuyển đổi số quốc gia cho phù hợp và nhất quán nhằm định hướng phát triển kinh tế - xã hội số. Trên cơ sở đó, xây dựng các chiến lược chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng doanh nghiệp... đảm bảo quá trình công nghiệp hóa, chuyển đổi hóa và tái cơ cấu nền kinh tế, trong đó các cơ quan nhà nước - doanh nghiệp - trường đại học, viện nghiên cứu giữ vai trò nòng cốt.

Trong chuyển đổi số, thể chế cần đi trước một bước và được điều chỉnh linh hoạt để chấp nhận những cái mới: công nghệ mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình mới. Chính vì vậy, chuyển đổi số được xem không phải là cuộc cách mạng của công nghệ mà là cuộc cách mạng về thể chế.

Trong thời gian tới nhiều vấn đề chưa được điều chỉnh để tạo cơ sở pháp lý cho phát triển chính phủ số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ hiện đại (như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, giao diện lập trình ứng dụng mở...) như: quy định về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu, về định danh và xác thực điện tử; quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; quy định về văn bản điện tử; lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước; giá trị pháp

lý của văn bản điện tử trong giao dịch hành chính và thanh toán; về dịch vụ công số và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường số, bảo vệ quyền con người, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Xây dựng kế hoạch và lộ trình chuyển đổi số

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số quốc gia, mỗi cơ quan, tổ chức nhà nước cần xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động phát triển chính phủ số, chính quyền số với những hành động triển khai cụ thể theo từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương.

Kế hoạch hành động phát triển chính phủ số là việc cụ thể hoá chiến lược phát triển chính phủ số thành các nhiệm vụ, dự án, trong đó xác định rõ trách nhiệm, thời gian, nguồn lực triển khai, các giải pháp tạo đột phá. Kế hoạch hành động phát triển chính phủ số được xây dựng và triển khai đồng bộ với các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

Căn cứ tình hình cụ thể, từng bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp quyết định xây dựng đề án, chương trình, chiến lược, kế hoạch lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động của mình. Nội dung chuyển đổi số quốc gia phải được chỉ đạo, giám sát, đánh giá định kỳ hằng năm, giữa nhiệm kỳ và mỗi 5 năm. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

Về lộ trình thực hiện, việc phân biệt ra các mức độ phát triển, là chính phủ điện tử và chính phủ số, không có nghĩa là làm tuần tự, làm xong chính phủ điện tử rồi mới làm chính phủ số. Công cuộc chuyển đổi số ở Việt Nam thực tế vẫn chỉ mới ở giai đoạn đầu. Chuyển đổi số muốn hiệu quả thiết thực với cuộc sống thì phải tiến hành toàn diện, đồng bộ, nhưng không nhất thiết phải tuần tự, không có nghĩa là đợi chuẩn bị đủ mới làm một lượt, bởi vì các nguồn dữ liệu quốc gia sớm tạo ra cho phép ta từng bước xây dựng chính phủ số trong khi hoàn thiện chính phủ điện tử. Cần bắt đầu ngay, làm từng cái một, từ những chuyện bị coi là nhỏ nhất nhưng đem lại lợi ích cho người dân. Cũng có thể chọn cách tiếp cận mang tính đột phá, đó là cái gì mà cơ quan, bộ, ngành, địa

phương thấy khó nhất, hay gọi là nỗi đau lớn nhất, hoặc vấn đề gì đang nóng nhất, người dân đang bức xúc nhất thì mang ra để xem xét giải quyết bằng công nghệ số.

Có một cách tiếp cận nữa cũng rất hiệu quả là, để cho người dân, doanh nghiệp đề xuất với cơ quan, bộ, ngành, địa phương những việc, những giá trị mà họ có thể tạo ra, hỗ trợ. Cơ quan, bộ, ngành, địa phương xem xét nếu thấy giá trị tạo ra cho lớn hơn chi phí thì cho làm. Đây là cách đưa toàn dân vào tham gia đổi mới sáng tạo cho cơ quan, bộ, ngành, địa phương. Không nên coi các ý tưởng phát triển cơ quan, bộ, ngành, địa phương là độc quyền của công chức nhà nước. Thường thì những đột phá, những giá trị lớn bất ngờ là xuất phát từ sáng tạo của trí tuệ nhân dân.

Chuyển đổi số là một quá trình lâu dài với tốc độ và quy mô khác nhau ở các quốc gia, ở các lĩnh vực khác nhau. Những bài học thành công và thất bại của chuyển đổi số chỉ ra rằng: cần có tầm nhìn xa và tổng thể, có lộ trình rõ và thực hiện theo từng bước, thậm chí theo từng bước nhỏ. Các bước đi của chuyển đổi số cho một tổ chức gồm: (1) Nhận thức và tư duy mới, (2) Đặt ra chiến lược và lộ trình, (3) Xây dựng năng lực số (năng lực, hạ tầng, văn hóa), (4) Xác định công nghệ chính, (5) Thay đổi mô hình hoạt động và cuối cùng là (6) Chuyển đổi quy trình: từ nhỏ đến lớn. Sáu bước này được xếp thành một vòng tròn nhắc nhở rằng, có những bước sẽ phải làm đi làm lại và làm liên tục trong khi vẫn phải tiến lên những bước tiếp theo²⁹⁸.

²⁹⁸ Về quy trình các bước trên, Tài liệu này thống nhất theo quan điểm của Hồ Tú Bảo, Tony Saldahna trong Chuyển đổi số không phải là trào lưu. Báo Khoa học và Phát triển. <https://khoaahocphattrien.vn/> ngày 25/01/2022.



Hình. Các bước để thực hiện chuyển đổi số.

3. Đảm bảo các nguồn lực cho chuyển đổi số

a) Xây dựng nguồn nhân lực cho chính phủ số và phát triển năng lực lãnh đạo, quản lý số

- Đào tạo, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo cơ quan nhà nước các cấp về phát triển chính phủ số;

- Tổ chức đào tạo đội ngũ chuyên gia về chính phủ số tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng cho phát triển chính phủ số tại các bộ, ngành, địa phương. Các chuyên gia chính phủ số trước hết phải nắm bắt được các xu thế công nghệ mới, các bài học kinh nghiệm, quy định pháp luật, mô hình, quy định kỹ thuật trong triển khai chính phủ số. Xây dựng mạng lưới chuyên gia về chính phủ số để học tập, chia sẻ tri thức, phối hợp giải quyết các vấn đề lớn;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Xây dựng khung đánh giá kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức;

- Đưa nội dung đào tạo về chính phủ số vào chương trình đào tạo của các trường, cơ sở đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, các trường đào tạo chuyên ngành về công nghệ thông tin và truyền thông;

- Thu hút lực lượng chuyên gia cao cấp trong và ngoài nước có kinh nghiệm triển khai tham gia đào tạo trong các chương trình đào tạo; xây dựng mạng lưới chuyên gia về chính phủ số;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp học để nâng cao năng lực giảng dạy về công nghệ số;
- Xây dựng hệ thống thao trường mạng và thường xuyên tổ chức huấn luyện, diễn tập đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho chính phủ số.

Đối với công nghệ thông tin, vì phải triển khai, vận hành hệ thống công nghệ thông tin, phải đào tạo người dùng. Những việc này lại phải làm ở từng cơ quan, bộ, ngành, địa phương nên rất thiếu cán bộ công nghệ thông tin. Với công nghệ số thì không có các bài toán này. Tất cả là trên điện toán đám mây, chỉ cần đăng ký vào để dùng một hệ thống dùng chung. Vấn đề quan trọng là nâng cao năng lực quản lý số, lãnh đạo số cho cán bộ, công chức để có khả năng đặt ra mục tiêu cần đạt được, lượng hoá giá trị cần tạo ra để biết chi phí tối đa có thể chi.

Nhà lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số là người đứng đầu, các công chức tham mưu chiến lược cho tổ chức, có tầm nhìn, thiết lập được sứ mệnh cho tổ chức, có niềm tin là công nghệ số, chuyển đổi số giúp giải quyết những vấn đề nhức nhối của tổ chức mình, và kiên định với mục tiêu đặt ra. Nhà lãnh đạo chuyển đổi số không nhất thiết và không cần phải hiểu về công nghệ số. Điều quan trọng nhất đối với nhà lãnh đạo là biết đặt ra bài toán²⁹⁹.

Những năng lực lãnh đạo truyền thống như tự tin, biết ứng xử, chuyên nghiệp, ra quyết định hiệu quả đòi hỏi ở mức độ cao hơn và phức tạp hơn trong bối cảnh chuyển đổi số trong khu vực công. Ngoài những năng lực chung và năng lực chuyên môn còn cần xây dựng và nâng cao năng lực của người lãnh đạo, quản lý thực hiện cải cách số, chuyển đổi số sau:

- Có tầm nhìn và tư duy chiến lược. Lãnh đạo chuyển đổi số được xem là người có tầm nhìn, tạo dựng bức tranh tổng thể về chiến lược phát triển của tổ chức, xác định rõ mục tiêu và nhiệm vụ, kiến tạo thể chế, xác định cách tiếp cận để thiết lập và hình thành lô gích của hành động, đánh giá và xác định đúng về sự tác động qua lại và lợi ích của các bên liên quan tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

²⁹⁹ Bộ Thông tin và Truyền thông. Cẩm nang chuyển đổi số. Hà Nội, 2020. <https://mic.gov.vn>. tr. 25, 96.

- Năng lực thực hiện đổi mới sáng tạo, linh hoạt với sự thay đổi, khả năng thích ứng nhanh. Lãnh đạo trong kỷ nguyên số để đạt được thành công cần sẵn sàng thay đổi tư duy và dẫn dắt sự thay đổi, áp dụng cách tiếp cận mới, chủ động tìm kiếm các sáng kiến chuyên đổi số, đặc biệt là trong vấn đề hoạch định chiến lược, chính sách chuyển đổi số tối ưu nhất và ra quyết định quản lý liên quan đến thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy, cải tiến, tái cấu trúc các quy trình nghiệp vụ và tạo ra những sản phẩm dịch vụ số mới trong hệ thống quản lý nhà nước.

- Năng lực quản lý nhân sự phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số. Đó là mở rộng quyền và tạo sự tự do, sáng tạo cho nhân viên để họ mạnh dạn đề xuất và thực hiện các thử nghiệm mới. Thay đổi văn hóa tổ chức, đề cao tính cá nhân, hướng nhân viên tới kết quả công việc, tạo động lực, trách nhiệm, cảm hứng, gây ảnh hưởng tốt với nhân viên, biết phát huy tiềm năng, năng lực của nhân viên, biết hợp tác thực hiện cơ chế phản hồi, biết phát triển nhân viên, phát triển nhóm, chú trọng và sử dụng các phương pháp linh hoạt trong đào tạo, nâng cao trình độ và phát triển năng lực cho nhân viên và nhóm.

- Bản thân người lãnh đạo, quản lý phải trở thành là tấm gương đi tiên phong, mạnh mẽ trong việc khai thác những ưu thế và tích cực trong thực hiện chiến lược chuyển đổi số trong tổ chức, biết phân tích và sử dụng dữ liệu theo cách tối ưu nhất. Lãnh đạo số phải biết chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số, biết đánh giá, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân, rút kinh nghiệm từ những thất bại của cải cách số, xác định điều kiện đảm bảo để biến thất bại thành là động lực hướng tới thành công.

b) Xây dựng hạ tầng số và các nền tảng số

Hạ tầng số đóng vai trò quyết định trong phát triển kinh tế số, xã hội số. Để đáp ứng nhu cầu phát triển, hạ tầng viễn thông sẽ chuyển dịch thành hạ tầng số bao gồm hạ tầng viễn thông và điện toán đám mây. Việt Nam đặt mục tiêu làm chủ công nghệ di động 5G, làm chủ hạ tầng điện đám mây (cloud) thông qua các nền tảng “Make in Viet Nam”. Bên cạnh phục vụ phát triển kinh tế - xã

hội, việc làm chủ hạ tầng số, làm chủ dữ liệu của người Việt là nhiệm vụ chiến lược, cần được ưu tiên hàng đầu.

Ngành Thông tin và Truyền thông cũng định hướng hạ tầng bưu chính chuyên đổi từ chuyên phát thư báo thành hạ tầng của dòng chảy vật chất phục vụ cho nền kinh tế số. Bên cạnh dòng chảy dữ liệu, hạ tầng bưu chính sẽ trở thành một huyết mạch của thương mại điện tử. Bưu chính được giao trọng trách phục vụ phát triển chính phủ số, cải cách hành chính, góp phần đưa dịch vụ công lên mức độ 3, 4; đồng thời bảo đảm an toàn tuyệt đối dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng và Nhà nước từ Trung ương tới địa phương.

Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chính phủ số, chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả. Nhanh hơn ở chỗ các nền tảng đã sẵn sàng đưa vào sử dụng, dùng chung. Giảm chi phí ở chỗ không cần đầu tư kinh phí và thời gian phát triển mới từng phần mềm. Dịch vụ được cung cấp qua các nền tảng số sẽ ngày càng rẻ như hoá đơn điện nước nếu có lượng người dùng lớn. Và vì vậy, chuyển đổi số dựa trên các nền tảng số sẽ trở nên hiệu quả.

Ngành Thông tin và Truyền thông định hướng phát triển hệ sinh thái các nền tảng số đáp ứng nhu cầu của người dân Việt Nam và từ đó đi ra thế giới. Mở rộng không gian mạng quốc gia thông qua mở rộng phạm vi hoạt động của các nền tảng số “Make in Viet Nam”. Việt Nam cần nhiều hơn nữa các nền tảng số “Make in Viet Nam” có khả năng đi ra toàn cầu để chiếm lĩnh những không gian mới.

c) Xây dựng không gian mạng quốc gia hướng tới phát triển không gian mạng quốc gia an toàn, lành mạnh, nhân văn và rộng khắp

Nếu coi chuyển đổi số là một vũ khí sắc bén để mở rộng không gian mạng quốc gia, thì an toàn, an ninh mạng sẽ là chiếc khiên vững chắc bảo vệ thành quả của chuyển đổi số. An toàn, an ninh mạng phải song hành và trở thành một phần không thể tách rời của chuyển đổi số.

Phát triển hạ tầng số an toàn (SAFE), tin cậy (TRUST), tạo niềm tin số cho xã hội khi tham gia vào các hoạt động trên không gian mạng, từ đó thúc đẩy

kinh tế số, xã hội số phát triển. Mỗi người dân sở hữu một danh tính số và được xác thực khi tham gia vào các dịch vụ trực tuyến để bảo đảm an toàn và nâng cao mức độ tin cậy của các dịch vụ. Phổ cập định danh và xác thực điện tử sẽ góp phần tạo ra một không gian mạng quốc gia an toàn, văn minh và rộng khắp.

d) Đảm bảo nguồn kinh phí tài chính cho chuyển đổi số

Khi thực hiện chuyển đổi số thì phải tính được giá trị do chuyển đổi số mang lại, thí dụ tiết kiệm lao động, giờ lao động, tiết kiệm chi phí thường xuyên, giá trị mới do chuyển đổi số mang lại. Những giá trị vô hình, dài hạn thì vẫn phải tìm cách lượng hoá. Giá trị tạo ra mà lớn hơn chi phí chuyển đổi số thì tức là hiệu quả. Chuyển đổi số không phải là một chi phí tăng thêm mà phải là một giá trị tăng thêm. Để tránh các tai nạn đã từng xảy ra trước đây với CNTT thì tỉnh luôn phải coi chi cho chuyển đổi số như một dự án đầu tư hiệu quả.

Câu hỏi đặt ra là chi cho chuyển đổi số bao nhiêu thì phù hợp. Mức trung bình của thế giới vào khoảng 2-3%. Ở một số nước như Singapore, tỷ lệ này có thể lên đến 4-5%. Mức trung bình của Việt Nam hiện nay đang là 0,3%.

Mỗi cơ quan, tổ chức căn cứ vào chiến lược chuyển đổi số của mình để có mức chi phù hợp. Đối với các cơ quan nhà nước cấp bộ, cấp tỉnh, tỷ lệ chi cho chuyển đổi số nên ở mức 1% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm. Nếu muốn đẩy nhanh, nhất là những năm đầu cần làm ngay các nền tảng, thì có thể chi 2%. Mỗi tổ chức, doanh nghiệp cần dành ít nhất 10% mức chi cho chuyển đổi số để chi cho các hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh mạng³⁰⁰.

Trong bối cảnh nguồn lực còn hạn chế thì vấn đề đặt ra với Chính phủ là:

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển chính phủ số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin;

- Xây dựng chương trình đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia sử dụng vốn đầu tư công do ngân sách trung ương đảm bảo.

³⁰⁰ Bộ Thông tin và Truyền thông. Cẩm nang chuyển đổi số, 2020. <https://mic.gov.vn>.

Hiện nay, cả nước đang đẩy mạnh triển khai thực hiện chuyển đổi số, do đó, ngân sách nhà nước chi cho công nghệ thông tin, chuyển đổi số cũng được quan tâm, bố trí. Nhằm tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật và hiệu quả công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước cho công nghệ thông tin, chuyển đổi số bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, khoa học, phòng tránh sớm các rủi ro, sai phạm, tiêu cực, các Bộ, ngành và địa phương hoàn thành ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, bảo đảm việc đầu tư và sử dụng các nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước được sử dụng đúng nội dung, đúng mục tiêu, đúng nguồn kinh phí, tiết kiệm, hiệu quả. Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước cho công nghệ thông tin, chuyển đổi số cần thực hiện đúng quy trình, thủ tục và quy định pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư, ngân sách nhà nước, đấu thầu³⁰¹.

4. Xây dựng văn hóa số và quản lý các rủi ro trong chuyển đổi số

a) Xây dựng văn hóa số trong cơ quan nhà nước

Chuyển đổi số cũng là một sự thay đổi về văn hóa, đòi hỏi các cơ quan, bộ, ngành, địa phương phải liên tục thay đổi, thử nghiệm cái mới chấp nhận và ứng phó với các rủi ro.

Cùng với lãnh đạo đúng đắn, yếu tố quan trọng cho thành công của chuyển đổi số chính là văn hóa tổ chức hỗ trợ cho những thay đổi. Khi mà chuyển đổi số chưa có tiền lệ, còn nhiều vấn đề chưa rõ ràng, hơn nữa văn hoá với những giá trị, niềm tin cần phải được nhận thức đúng đắn để có thể quản lý đúng và thực hành hiệu quả³⁰².

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy rất ít người ủng hộ bởi tâm lý e sợ vì đã quen với việc ổn định. Đặc biệt là khi đầu tư công nghệ mới để nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả thực thi công việc, nhiều người viện đủ loại các lý do để không chịu đi học nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của công nghệ hiện đại. Tâm lý “ngại thay đổi” dẫn tới hạn chế tư duy và tâm thế đổi mới; sự thúc bách của chuyển đổi số tốn nhiều thời gian hơn kế hoạch dẫn tới khó

³⁰¹ Văn bản số 639/BTTTT-THH ngày 28/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về tăng cường hiệu quả quản lý, ứng dụng CNTT, chuyển đổi sử dụng ngân sách nhà nước.

³⁰² Fredmund Malik. Quản lý hiệu quả trong một thế giới đại chuyển đổi.- H. NXB Thanh niên, 2017.

tìm được giải pháp hoàn hảo và tránh được những rủi ro. Tâm lý e ngại thay đổi không hoàn toàn phụ thuộc vào trình độ chuyên môn mà còn do tình trạng “né tránh trách nhiệm”, không hào hứng với thay đổi, dẫn tới sự trì trệ.

Nguyên tắc làm việc truyền thống “cấp dưới phục tùng tuyệt đối cấp trên” dẫn tới thói quen “không phản hồi”: cấp trên không kịp thời xử lý thông tin với những lý do chính đáng và không chính đáng. Trong khi chuyển đổi số đòi hỏi thông tin phải được xử lý nhanh chóng, tức thì, khiến cho công việc bị ngưng trệ trong khi cấp dưới “ngại” nhắc nhở. Chuyển đổi số về bản chất còn là việc đưa tới tư duy “có làm hay không làm” một cách rõ ràng và dứt khoát. Như vậy, chuyển đổi số phải gắn với tư duy số, không những số hóa quy trình, thao tác mà còn phải số hóa cả tư duy.

Chuyển đổi số có thể là môi trường thuận lợi giúp hạn chế tính “bảo thủ”, “quan liêu” của nền công vụ, khi mà văn hóa chuyển đổi số đòi hỏi sự linh hoạt và nhạy bén. Điều này buộc các quy trình, thủ tục giải quyết công việc phải khoa học, thông suốt, trôi chảy, nhanh chóng, được kiểm soát chặt chẽ. Bên cạnh đó, cũng cần linh hoạt trong việc tiếp thu ý kiến, phản hồi. Một nền công vụ đổi mới chỉ có thể tồn tại trong dòng chảy mãnh liệt của chuyển đổi số nếu nó thực sự linh hoạt và kịp thời thích nghi với thay đổi và những điều mới mẻ.

Nền công vụ như một thực thể sống, luôn vận động và phát triển. Cải cách công vụ trong thời đại chuyển đổi số phải hướng tới hình thành và duy trì thói quen sử dụng chính công nghệ số để tạo ra các nền tảng, các hệ thống quản lý, trong đó, các thói quen cần có đã được hình thành và củng cố trong chính nền tảng và hệ thống để mỗi thành viên của tổ chức khi làm việc buộc phải tuân thủ. Sự tuân thủ như vậy đòi hỏi phải vượt qua những rào cản không thể tránh khỏi như: ý thức lãnh đạo (không phải “nhận thức”) nhiều khi đòi hỏi cấp dưới phải thay đổi trong khi chính mình lại ít quan tâm; tốc độ lãnh đạo, quản lý không theo kịp tốc độ thay đổi của thời đại và tính chất của các nhiệm vụ có liên quan; các xung đột nội bộ do sự thay đổi khiến cho các bộ phận trở nên thiếu đồng bộ, nếu không được kiểm soát tốt thì có thể tạo nên sự nghi kỵ, ý lại hoặc bất hợp tác, có thể dẫn tới cản trở lẫn nhau.

Để thích ứng với môi trường cạnh tranh và thay đổi đòi hỏi cán bộ, công chức cấp cao biết làm việc trong lĩnh vực chưa được nghiên cứu, chưa được biết rõ, có khả năng ra quyết định trong điều kiện bất định và tạo những đổi mới với nguồn lực hạn chế, đồng thời có khả năng làm rõ và sử dụng những điều bất định cho mục đích của mình, thích ứng nhanh với các điều kiện mới. Nhà lãnh đạo trong kỷ nguyên số cần có tư duy phân tích, tư duy hệ thống và tư duy phản biện ở mức độ cao, biết nhận ra bản chất vấn đề, biết xem xét vấn đề từ nhiều góc độ, biết mở rộng vấn đề, liên kết vấn đề, có khả năng suy nghĩ trên nhiều phương án, tính đến những vấn đề không dự báo hết được trong bối cảnh luôn có sự thay đổi, bất định và phức tạp.

Tóm lại, nhưng chuyển đổi số không chỉ là công nghệ số, mà quan trọng hơn, chuyển đổi số là chấp nhận cái mới, do đó, chuyển đổi số là cuộc cách mạng về tư duy, nhận thức, thể chế, chính sách và định hình một nền văn hoá công vụ mới - văn hoá số trong quản lý nhà nước, cuộc cách mạng lớn lao hơn một cuộc cách mạng công nghệ đơn thuần.

b) Quản lý các rủi ro trong chuyển đổi số quốc gia

Chuyển đổi số tạo ra một không gian sống mới, gọi là không gian mạng. Cuộc sống đã và đang vào không gian mạng nhanh hơn so với hệ thống pháp luật và bộ máy thực thi pháp luật và vì vậy, các nguy cơ là không nhỏ. Vì không thể không có rủi ro nên cách tiếp cận sẽ là quản lý rủi ro, tối thiểu rủi ro, khi rủi ro xảy ra thì khả năng hồi phục là quan trọng nhất.

Các rủi ro chính trong chuyển đổi số quốc gia có thể được nhận diện và phân loại như sau:

Thứ nhất, là các rủi ro từ góc độ kỹ thuật, công nghệ gồm:

- Rủi ro về công nghệ, kỹ thuật, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, công nghệ số: là các rủi ro liên quan đến công nghệ sẵn có trên thị trường chưa phổ biến hoặc công nghệ chưa có trên thị trường; rủi ro về trục trặc/hỏng hóc của ứng dụng và khả năng thực hiện chức năng như mong muốn đặt ra ban đầu của ứng dụng; rủi ro liên quan đến việc công nghệ kỹ thuật bị lạc hậu trước khi sản phẩm dự án kết thúc vòng đời hoạt động và không thể thực hiện chức năng

của nó như dự kiến và mong muốn ban đầu; rủi ro do không có cơ sở hạ tầng cần thiết để triển khai các dịch vụ, ứng dụng chính phủ điện tử, chính quyền điện tử hoặc cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng...

- Rủi ro về an toàn, an ninh thông tin: là các rủi ro liên quan đến tính toàn vẹn/khả năng bị tấn công của hệ thống thông tin; Rủi ro liên quan đến sự mất mát/sử dụng thông tin, dữ liệu sai mục đích; rủi ro về trục trặc, hỏng hóc kỹ thuật của ứng dụng; rủi ro liên quan đến an ninh/khả năng bị tấn công của hệ thống và giữa các hệ thống; Rủi ro liên quan đến sự mất mát hoặc lạm dụng dữ liệu, thông tin, rủi ro về nguy cơ mất, lộ lọt đối với thông tin bí mật quốc gia dẫn tới mất chủ quyền số quốc gia, thông tin về người dân và doanh nghiệp, lộ lọt dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư.

- Rủi ro về tính độc lập và độ tương thích, liên thông của hệ thống được đầu tư với các hệ thống khác: là các rủi ro liên quan đến tính tương thích, liên thông, liên kết tích hợp giữa các hệ thống; rủi ro về việc hệ thống tương thích nhưng không mang lại kết quả như mong muốn...

Thứ hai, là các rủi ro từ góc độ quản lý gồm:

- Rủi ro về chiến lược, chính sách, pháp lý: các đề xuất không đạt được kết quả như mục tiêu đề ra; rủi ro liên quan đến sự chòng chéo, trùng lặp do chiến lược, chính sách không thống nhất, đồng bộ; thiếu và chưa đồng bộ trong các quy định pháp lý.

- Rủi ro về quản lý hoạt động và thay đổi: rủi ro liên quan do chưa xác định rõ lộ trình và các nhiệm vụ cụ thể để triển khai xây dựng chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số. Rủi ro liên quan đến lề lối, phương thức làm việc, thói quen sử dụng của người dân, của cán bộ xử lý, việc tránh né, ít/không sử dụng, sử dụng với hệ thống không phù hợp; đào tạo chưa hiệu quả...

- Rủi ro về nguồn lực: Rủi ro liên quan đến tính toán sai chi phí ban đầu dẫn đến tăng chi phí; thiếu vốn, không có vốn, cắt vốn; nhân sự không đủ; năng lực, trình độ chuyên môn không đáp ứng...

- Rủi ro về hoạt động phối hợp: Rủi ro liên quan về thiếu hợp tác và đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương và ngay trong chính nội bộ cơ quan, đơn vị.

- Rủi ro về tính khả thi, hiệu quả: Rủi ro liên quan đến phương án đề xuất ban đầu không đạt được kết quả như mong muốn; rủi ro về những mục tiêu, chỉ tiêu, công việc của kế hoạch triển khai không đạt được; rủi ro về hiệu quả đặt ra không đạt được...

- Rủi ro về thời hạn: Rủi ro liên quan đến sự lười, hoãn hoặc chậm thời hạn nhiệm vụ; không đảm bảo tiến độ, không đạt được các mốc công việc đã định ra theo kế hoạch được Bộ, tỉnh duyệt hoặc theo thời hạn được Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ giao.

Ngoài ra, còn có các rủi ro khác như vấn đề độc quyền: rủi ro liên quan đến lựa chọn đầu tư phụ thuộc vào công nghệ hoặc ứng dụng mà khi tiến hành mua sắm chỉ có thể lựa chọn từ một nhà thầu hoặc một nhà cung cấp đặc thù hay các rủi ro khác gắn với thiên tai, thảm họa³⁰³.

Trong quản lý rủi ro chuyển đổi số quốc gia cần đảm bảo một số yêu cầu:

- Rủi ro cần được dự báo trước, cần phân loại được các rủi ro, xác định nguyên nhân, đánh giá xác suất xảy ra rủi ro, đánh giá mức độ ảnh hưởng của rủi ro và đề xuất phương án giảm thiểu rủi ro.

- Cần sẵn sàng chuẩn bị cho việc giải quyết tình huống rủi ro khi đã xảy ra, làm nhẹ bớt đi các tác động xấu hơn.

- Quản lý rủi ro đòi hỏi phản ứng nhanh chóng và quyết đoán, thực hiện các bước thận trọng, chính xác, không để rủi ro kéo dài gây ảnh hưởng xấu. Đảm bảo phối hợp hiệu quả, tránh quan liêu, máy móc.

- Thường xuyên thu thập và cập nhật thông tin để đưa ra các quyết định, lựa chọn các phương án phù hợp với điều kiện, khả năng và tình huống cụ thể và hành động cho phù hợp với tình hình. Mỗi quốc gia có điều kiện tự nhiên, địa lý, môi trường, khí hậu cũng như trình độ kinh tế xã hội, năng lực và dân trí khác nhau nên biểu hiện của các loại rủi ro không giống nhau. Mỗi quốc gia có tiềm

³⁰³ Theo Văn bản số 1287/THH-QLĐT ngày 28/11/2019 của Cục Tin học hóa về việc khảo sát, đánh giá rủi ro trong triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, đánh giá xác suất xảy ra rủi ro theo ba mức: (i) Cao (Thường xuyên xảy ra với >25% cơ hội xảy ra); (ii) Trung bình (Xảy ra một số lần với 5-25% cơ hội xảy ra) và (iii) Thấp (Không chắc chắn xảy ra hoặc hiếm khi xảy ra (<5% cơ hội xảy ra)). Về đánh giá ảnh hưởng của rủi ro khi xảy ra, có thể đánh giá theo ba mức: (i) Cao (Hiệu quả mong muốn đạt được của nhiệm vụ xảy ra ngay trong năm đầu với 25-75% cơ hội xảy ra); (ii) Trung bình (Hiệu quả mong muốn đạt được của nhiệm vụ xảy ra sau từ 1-3 năm với 25-75% cơ hội xảy ra); (iii) Thấp (Hiệu quả mong muốn đạt được của nhiệm vụ sẽ xảy ra sau >=4 năm với <25% cơ hội xảy ra).

lực kinh tế khác nhau, sử dụng nguồn lực kinh tế tài chính cần có sự tính toán cân đối giữa phát triển kinh tế, cải thiện xã hội và phòng chống rủi ro. Mỗi tình huống, vụ việc rủi ro cũng khác nhau. Vì vậy trong giải quyết rủi ro cần tính đến đặc điểm, bối cảnh cụ thể.

- Đảm bảo kênh thông tin cởi mở, công khai. Trong quản lý nhà nước không vì sự trách nhiệm, sợ khuyết điểm mà bung bít thông tin. Bung bít thông tin có thể gây tâm lý hoang mang, nghi ngờ, mất niềm tin của xã hội hay trở thành nguy cơ rủi ro khác là do không áp dụng các biện pháp phòng tránh kịp thời.

- Đối với từng ngành, lĩnh vực cụ thể có thể đòi hỏi những yêu cầu và phương pháp riêng phù hợp với đặc điểm, tính chất của mỗi ngành, lĩnh vực.

5. Đánh giá mức độ chuyển đổi số quốc gia

a) Khái quát về đánh giá mức độ chuyển đổi số quốc gia

Mục đích đánh giá mức độ chuyển đổi số quốc gia nhằm theo dõi, nhận định xác thực, khách quan và công bằng kết quả thực hiện chuyển đổi số theo định kỳ; so sánh, xác định các thế mạnh và các thách thức trong chính phủ điện tử, chính phủ số, từ đó đưa ra các chính sách và chiến lược phù hợp trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các bộ chỉ số đánh giá - là công cụ đo lường chuẩn ở cấp độ quốc tế, quốc gia, cũng như ở cấp độ các bộ, ngành và địa phương.

Bộ chỉ số là căn cứ để các quốc gia xác định tính hiệu quả của chuyển đổi số đạt được ở mức nào, đâu là những hạn chế cần cải thiện. Để từ đó ban hành các chính sách nhằm tạo điều kiện cho chuyển đổi số sâu rộng ở cấp độ quốc gia cũng như trong ngành và địa phương quản lý. Ở góc độ này, bộ chỉ số chuyển đổi số sẽ là "chỉ dấu" quan trọng để biết tính hiệu quả của chuyển đổi số đạt được ở mức nào; đâu là những hạn chế cần cải thiện.

b) Bộ chỉ số đo lường, đánh giá Chuyển đổi số ở Việt Nam

Thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia ở Việt Nam và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, trên cơ sở nghiên

cứu các bộ chỉ số quốc tế, từ năm 2020 đã triển khai Bộ chỉ số đánh giá chuyên đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là bộ chỉ số chuyên đổi số cấp bộ, cấp tỉnh, cấp quốc gia - DTI). Bộ chỉ số đo lường, đánh giá Chuyên đổi số ở Việt Nam cũng được xây dựng trên các nguyên tắc chung, khung đánh giá của Liên hợp quốc và cụ thể hóa phù hợp với các mục tiêu và điều kiện ở Việt Nam. Bộ chỉ số chuyên đổi số bao gồm 03 cấp: cấp bộ, cấp tỉnh và cấp quốc gia.

- Chỉ số chuyên đổi số cấp tỉnh, gồm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chỉ số chuyên đổi số năm 2020 cấp tỉnh được cấu trúc theo 3 trụ cột (pillar) là: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số, Trong mỗi trụ cột đều có 7 chỉ số chính với tổng 108 chỉ số thành phần và 306 tiêu chí (57 tiêu chí được thực hiện khảo sát người dân, Chính phủ điện tử, các công chức). Mỗi trụ cột đều có 07 chỉ số chính và các chỉ số thành phần, tiêu chí tương ứng, cụ thể: Chính quyền số có 45 chỉ số thành phần và 133 tiêu chí; kinh tế số có 2 chỉ số thành phần và 101 tiêu chí; xã hội số có 27 chỉ số thành phần và 72 tiêu chí. 7 chỉ số chính gồm: Chỉ số đánh giá về Chuyển đổi nhận thức; Chỉ số đánh giá về Kiến tạo thể chế; Chỉ số đánh giá về Phát triển Hạ tầng và nền tảng số; Chỉ số đánh giá về Thông tin và Dữ liệu số; Chỉ số đánh giá về Hoạt động chuyển đổi số; Chỉ số đánh giá về An toàn, an ninh mạng; Chỉ số đánh giá về Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực số.

- Chỉ số chuyển đổi số cấp bộ, gồm các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong đó khối bộ được chia là 2 nhóm: bộ có cung cấp dịch vụ công và bộ không cung cấp dịch vụ công. Chỉ số chuyển đổi số cấp bộ không đánh giá riêng theo các trụ cột như cấp tỉnh mà đánh giá chung chỉ số chuyển đổi số của bộ để đảm bảo những tiêu chí đánh giá là tương đồng, phù hợp với đặc điểm của mỗi bộ phụ trách một trụ cột khác nhau.

Bộ chỉ số chuyển đổi số 2020 cấp bộ cũng gồm 7 chỉ số chính như chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh, trong mỗi chỉ số chính có những chỉ số thành phần khác nhau và trong mỗi chỉ số thành phần có các tiêu chí (đánh giá qua số lượng báo cáo - điều tra xã hội học, sắc thái thông tin trên không gian mạng, phỏng

vấn các chuyên gia). Có 41 chỉ số thành phần và 111 tiêu chí (109 tiêu chí được thực hiện đánh giá từ số liệu thu thập của bộ, ngành báo cáo; 2 tiêu chí được thực hiện khảo sát người dân, Chính phủ điện tử).

- Bộ chỉ số chuyển đổi số quốc gia được cấu trúc theo 3 trụ cột là Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Chỉ số này cũng gồm 7 chỉ số chính như chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh, trong mỗi chỉ số chính có các chỉ số thành phần.

Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp bộ nhằm theo dõi, đánh giá, xếp hạng một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện chuyển đổi số hàng năm các bộ, tỉnh. Còn Bộ chỉ số chuyển đổi số quốc gia không chấm điểm, xếp hạng, mà nhằm cung cấp thông tin về kết quả chuyển đổi số chung của cả nước để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phục vụ các cơ quan, tổ chức liên quan cũng như cho các tổ chức quốc tế sử dụng khi đánh giá các chỉ số quốc tế.

Căn cứ theo kết quả đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh và cấp bộ, các chỉ số thành phần và tiêu chí của Chỉ số chuyển đổi số quốc gia sẽ được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định và điều chỉnh cho phù hợp thực tế.

Kết quả đánh giá chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh giúp cung cấp bức tranh tổng thể về chuyển đổi số ở Việt Nam, đồng thời theo dõi, đánh giá, xếp hạng một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện chuyển đổi số hàng năm của các bộ, tỉnh, thành phố để có giải pháp thúc đẩy trong thời gian tới.

Căn cứ vào Bộ Chỉ số chuyển đổi số (DTI) cấp bộ và Bộ Chỉ số DTI cấp tỉnh năm 2020, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiến hành đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số năm 2020 đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh năm 2020 lần đầu tiên công bố vào tháng 10/2021.

c) Một số nhiệm vụ đặt ra nhằm tiếp tục hoàn thiện đánh giá mức độ chuyển đổi số quốc gia

Xây dựng bộ chỉ số đo lường triển khai chính phủ số và bộ công cụ giám sát, đánh giá là một trong những nội dung quản lý chuyên đổi số quốc gia với những nhiệm vụ cụ thể được đặt ra là:

- Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục nghiên cứu các chỉ số chuyển đổi số quốc tế; xây dựng và thường xuyên cập nhật, bổ sung cho phù hợp trên cơ sở kế thừa và phát triển từ bộ chỉ số đo lường Chính phủ điện tử.

- Các bộ, các tỉnh cần xây dựng và đưa vào triển khai Chỉ số chuyên đổi số áp dụng trong nội bộ của bộ, tỉnh đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc phù hợp với điều kiện thực tế của bộ, tỉnh để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong công tác theo dõi, đánh giá chuyên đổi số, đồng thời cũng cần đảm bảo phù hợp và thể hiện rõ tính đặc thù từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

- Xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chính phủ điện tử, chính phủ số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI Index), bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index);

- Xây dựng bộ công cụ để giám sát, đánh giá mức độ, hiệu quả triển khai chính phủ điện tử, chính phủ số;

- Định kỳ hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đơn đốc, xếp hạng về chính phủ điện tử, chính phủ số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số.

Trong xây dựng và hoàn thiện các bộ chỉ số đánh giá, cũng cần lưu ý một số vấn đề sau:

Thứ nhất, trong bộ chỉ số chuyển đổi số chính phủ, các chỉ số đã tập trung đánh giá về dịch vụ công trực tuyến cho người dân và tổ chức, dữ liệu mở, qua đó giúp thấy được sự thay đổi và tác động qua lại giữa công dân - nhà nước. Cần tiếp tục có thêm những chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong thực hiện các chức năng của nhà nước như hoạt động thanh tra, kiểm tra, xây dựng pháp luật, chuyển đổi số các quy trình nội bộ để thấy rõ hơn mức độ tác động qua lại giữa các cơ quan nhà nước với nhau và với công chức, viên chức trong hệ thống.

Thứ hai, việc đánh giá mức độ chuyển đổi số trong mỗi lĩnh vực cụ thể giúp đánh giá về mức độ gia tăng về số lượng sử dụng công nghệ số của công dân và tổ chức. Ở mức độ sâu hơn, có thể thêm những đánh giá so sánh đối chiếu về tính hiệu quả về thời gian và các nguồn lực khác khi sử dụng các công nghệ số, sự ảnh hưởng của các quá trình chuyển đổi số đến nâng cao chất lượng thực hiện các chức năng của nhà nước và dịch vụ công, giúp đánh giá được "kết quả đầu ra", phản ánh được hiệu quả thực chất của chuyển đổi số. Cách tiếp cận sẽ giúp tránh được “cái bẫy của chuyển đổi số”, tức là “chuyển đổi số vì chuyển đổi số”.

Thứ ba, phần lớn các chỉ số được phân tích dựa trên cơ sở sử dụng các số liệu thống kê cũng như kết quả khảo sát lấy ý kiến, cho phép mở rộng lĩnh vực đánh giá, tính đến các yếu tố có thể được đánh giá về chất lượng. Mặt khác, việc sử dụng các kết quả đánh giá dựa trên khảo sát quá nhiều có thể ảnh hưởng đến kết quả thu được. Vấn đề này có thể được giải quyết trên cơ sở kết hợp khảo sát lấy ý kiến một cách phù hợp với tăng cường sử dụng các dữ liệu, số liệu về kết quả thực tế.

Thứ tư, trong nhiều chỉ số được phân tích tính đến các chỉ số đánh giá nguồn nhân lực. Trong điều kiện hình thành xã hội số, trình độ dân trí và giáo dục, mức độ tuyên truyền, phổ biến, tập huấn là cần thiết để đánh giá mức độ sẵn sàng với xã hội số, bao gồm cả mức độ tương tác với chính quyền dưới dạng số. Đồng thời cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống các chỉ số phản ánh rõ hơn về mức độ phát triển kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức và công dân.

Thứ năm, trong giai đoạn đầu, các chỉ số đo lường và đánh giá mức độ phát triển của chính phủ điện tử là phù hợp. Đồng thời cần tăng dần các chỉ số ứng dụng sâu rộng và mức độ sử dụng các công nghệ dữ liệu trong quá trình chuyển đổi chính phủ số, mức độ đột phá trong ứng dụng dữ liệu lớn, internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, các công nghệ thống kê tổng hợp.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Bản chất, vai trò và quá trình phát triển của chuyển đổi số và những nội dung cơ bản của chuyển đổi số quốc gia ở Việt Nam?
2. Thách thức đối với quản lý chuyển đổi số quốc gia ở Việt Nam hiện nay và tại bộ, ngành, địa phương anh/chị công tác? Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong quản lý chuyển đổi số quốc gia?
3. Yêu cầu về xây dựng kế hoạch và lộ trình chuyển đổi số quốc gia, liên hệ với bộ, ngành, địa phương anh/chị công tác?
4. Yêu cầu về đảm bảo các nguồn lực chuyển đổi số quốc gia, liên hệ với bộ, ngành, địa phương anh/chị công tác?
5. Yêu cầu về xây dựng văn hóa số và quản lý các rủi ro trong chuyển đổi số quốc gia, liên hệ với bộ, ngành, địa phương anh/chị công tác?

TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC VIÊN

1. Bộ Thông tin và Truyền thông. Cẩm nang chuyên đổi số. Hà Nội, 2020.
<https://mic.gov.vn>.
2. Chương trình Chuyên đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (ban hành theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ).
3. Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (kèm theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ).
4. Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
5. Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương.